

Anam ✓
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *16* /2015/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *30* tháng *6* năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về xử lý kỷ luật đối với những người hoạt động không chuyên trách tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những cán bộ hoạt động không chuyên trách cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 182/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chức danh, một số chế độ chính sách đối với cán bộ hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố và mức khoán kinh phí hoạt động cho các đoàn thể cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 199/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về quy định tạm thời chế độ hỗ trợ đối với những cán bộ hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) từ ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 182/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 và Nghị quyết số 199/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 898/TTr-SNV ngày 18/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc xử lý kỷ luật đối với những người hoạt động không chuyên trách tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 02/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Quốc Thái

QUY ĐỊNH

**Về việc xử lý kỷ luật đối với những người hoạt động không chuyên trách
cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2015/QĐ-UBND ngày 30/6/2015
của UBND tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc xử lý kỷ luật đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
2. Đối tượng áp dụng là những người hoạt động không chuyên trách hoặc những người hưởng chế độ, chính sách tương tự tại UBND cấp xã theo quy định của Trung ương, tỉnh và văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật.
2. Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu có nhiều hành vi vi phạm pháp luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm, đồng thời chịu hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp có hành vi vi phạm phải xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.
3. Trường hợp những người hoạt động không chuyên trách tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật thì áp dụng hình thức kỷ luật như sau:
 - a) Nếu có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành;
 - b) Nếu có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm pháp luật mới.

Quyết định kỷ luật đang thi hành chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm quyết định kỷ luật đối với hành vi vi phạm pháp luật mới có hiệu lực.

4. Thái độ tiếp thu, sửa chữa và chủ động khắc phục hậu quả của những người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật là yếu tố xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi áp dụng hình thức kỷ luật.

5. Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính thay cho hình thức kỷ luật.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của những người hoạt động không chuyên trách trong quá trình xử lý kỷ luật.

Điều 3. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật

1. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được người đứng đầu cơ quan cho phép.

2. Đang trong thời gian điều trị bệnh có xác nhận của cơ quan y tế cấp huyện trở lên.

3. Đối với nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

4. Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

5. Thời gian chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với những người hoạt động không chuyên trách trong các trường hợp quy định tại Điều này không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật.

Điều 4. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật

1. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi vi phạm pháp luật.

2. Phải chấp hành quyết định của cấp trên theo quy định (đã báo cáo về sai phạm cho cơ quan có thẩm quyền).

3. Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm pháp luật trong tình thế bất khả kháng trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ.

Chương II

XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC TUYỂN DỤNG, BỔ NHIỆM

Điều 5. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc trường hợp tuyển dụng, bổ nhiệm bao gồm:

1. Các trường hợp không giữ chức danh lãnh đạo:
 - a) Cán bộ phụ trách công tác tiếp dân, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả;
 - b) Cán bộ phụ trách kinh tế, kinh tế hợp tác, hợp tác xã;
 - c) Cán bộ phụ trách công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ...;
 - d) Cán bộ Tôn giáo - Dân tộc;
 - đ) Cán bộ phụ trách xã hội, gia đình và trẻ em;
 - e) Cán bộ phụ trách văn hóa, thông tin, thể thao, đài truyền thanh;
 - g) Cán bộ quản lý Trung tâm VH - TT và Trung tâm Học tập cộng đồng;
 - h) Cán bộ văn thư, thủ quỹ, đánh máy;
 - i) Cán bộ phụ trách tư pháp - hộ tịch;
 - k) Cán bộ phụ trách Địa chính – Xây dựng - Đô thị (Nông nghiệp) - Môi trường;
 - l) Cán bộ phụ trách lao động – thương binh và xã hội;
 - m) Lực lượng dân quân thường trực;
 - n) Công an viên (không thuộc Công an chính quy);
2. Các trường hợp giữ chức danh lãnh đạo:
 - a) Phó Chi huy Trưởng Ban chỉ huy Quân sự;
 - b) Phó Trưởng Công an xã (không thuộc Công an chính quy).

Điều 6. Thời hiệu xử lý kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng, kể từ thời điểm những người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật cho đến thời điểm UBND cấp xã ra thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật hoặc đến khi cơ quan có thẩm quyền kết luận, thông báo hành vi vi phạm.

2. Khi phát hiện, xác định hành vi vi phạm pháp luật của người hoạt động không chuyên trách, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật phải ra thông báo bằng văn bản về việc xem xét xử lý kỷ luật. Thông báo phải nêu rõ thời điểm có hành vi vi phạm pháp luật, thời điểm phát hiện hành vi vi phạm và thời hạn xử lý kỷ luật.

Điều 7. Thời hạn xử lý kỷ luật

1. Thời hạn xử lý kỷ luật là 02 tháng, kể từ ngày phát hiện người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật cho đến ngày được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử lý kỷ luật.

2. Trường hợp xác định có liên quan đến những tình tiết phức tạp cần xác minh làm rõ thì người có thẩm quyền xử lý quyết định kéo dài thời hạn xử lý kỷ luật nhưng không quá 04 tháng.

Điều 8. Các hình thức kỷ luật

1. Áp dụng đối với trường hợp không giữ chức vụ lãnh đạo:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Buộc thôi việc.

2. Áp dụng đối với các chức danh lãnh đạo: Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự và Phó trưởng Công an cấp xã:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Cách chức;
- d) Buộc thôi việc.

Điều 9. Khiển trách

Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với những người hoạt động không chuyên trách có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Vi phạm các quy định nội quy, quy chế làm việc của cơ quan đã được nhắc nhở nhưng vẫn tái phạm;
2. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ trong khi thực hiện nhiệm vụ công vụ gây hậu quả cho cá nhân, tổ chức;
3. Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ;
4. Không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng;
5. Gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;
6. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 03 đến dưới 05 ngày làm việc trong một tháng;
7. Sử dụng tài sản công trái pháp luật;
8. Xác nhận giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;
9. Vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật liên quan đến công tác.

Điều 10. Cảnh cáo

Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với những người hoạt động không chuyên trách có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ trong khi thực hiện nhiệm vụ công vụ gây hậu quả nghiêm trọng cho cá nhân, tổ chức;

2. Không chấp hành sự phân công công tác, quyết định điều động của người có thẩm quyền hoặc không thực hiện công việc, nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng, gây ảnh hưởng đến công việc chung của đơn vị;

3. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tham gia đào tạo, bồi dưỡng;

4. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 05 đến dưới 07 ngày làm việc trong một tháng;

5. Phân biệt đối xử dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức; lợi dụng chức vụ công tác để tuyên truyền chống lại chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc gây phương hại đối với thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và xã hội;

6. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện nhiệm vụ;

7. Sử dụng trái phép chất ma túy bị cơ quan công an thông báo về cơ quan đang công tác hoặc nơi cư trú;

8. Tham mưu cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện. Sử dụng thông tin, tài liệu của cơ quan, tổ chức, đơn vị để vụ lợi;

9. Vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật về công tác, nhưng đã thành khẩn kiểm điểm trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật.

Điều 11. Cách chức

Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với những người hoạt động không chuyên trách giữ chức vụ lãnh đạo có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bổ nhiệm chức vụ;

2. Không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng, gây ảnh hưởng đến công việc chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

3. Để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn;

4. Lợi dụng vị trí công tác, cố ý làm trái pháp luật với mục đích vụ lợi;

5. Vi phạm ở mức độ nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật về công tác.

Điều 12. Buộc thôi việc

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với trường hợp có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Bị tòa tuyên phạt tù (kể cả cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ);

2. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện nhiệm vụ công vụ gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng;

3. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tuyển dụng, bầu cử, bổ nhiệm vào cơ quan, tổ chức, đơn vị;

4. Nghiện ma túy có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

5. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 07 ngày làm việc trở lên trong một tháng hoặc từ 20 ngày làm việc trở lên trong một năm mà đã được cơ quan sử dụng những người hoạt động không chuyên trách thông báo bằng văn bản 03 lần liên tiếp;

6. Vi phạm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật về công tác.

Điều 13. Thẩm quyền xử lý kỷ luật

1. Chủ tịch UBND cấp xã tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với những người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 5 quy định này có hành vi vi phạm pháp luật.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật, chỉ đạo Chủ tịch UBND cấp xã tiến hành quy trình xử lý kỷ luật và ban hành quyết định hình thức kỷ luật đối với các Phó Trưởng công an và Phó Chi huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

Điều 14. Tổ chức họp kiểm điểm

1. Lãnh đạo UBND cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức họp kiểm điểm để người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật tự đọc kiểm điểm và nhận hình thức kỷ luật.

2. Thành phần dự họp do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định gồm: đại diện lãnh đạo UBND cấp xã, đại diện cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cùng công tác, đại diện Ban chấp hành công đoàn. Việc họp kiểm điểm phải lập biên bản và được gửi đến Chủ tịch UBND cấp xã trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Điều 15. Hội đồng kỷ luật

1. Người có thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để tư vấn về việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý.

2. Không thành lập Hội đồng kỷ luật đối với các trường hợp sau:

a) Các hành vi vi phạm pháp luật đã có bản án có hiệu lực của tòa án;

b) Hành vi vi phạm pháp luật đã có kết luận của cấp ủy, tổ chức Đảng theo phân cấp quản lý hoặc đã có kết luận thanh tra, điều tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng kỷ luật:

a) Hội đồng kỷ luật họp khi có đủ 03 thành viên trở lên tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng. Hội đồng kỷ luật kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật thông qua bỏ phiếu kín;

b) Việc họp Hội đồng kỷ luật phải được lập thành biên bản ghi ý kiến của các thành viên dự họp và kết quả bỏ phiếu kiến nghị hình thức kỷ luật áp dụng đối với người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật.

4. Hội đồng kỷ luật tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 16. Thành phần Hội đồng kỷ luật

1. Hội đồng kỷ luật gồm 3 thành viên:

a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo UBND cấp xã;

b) Ủy viên là đại diện Ban chấp hành công đoàn cấp xã;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức phụ trách công tác tổ chức, văn phòng tại UBND cấp xã.

2. Đối với xử lý kỷ luật Phó Chi huy Trưởng Ban Chi huy Quân sự cấp xã, ngoài thành phần nêu tại Khoản 1 Điều này có thêm Chi huy Trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp xã, đại diện lãnh đạo Ban Chi huy quân sự cấp huyện, đại diện lãnh đạo Phòng Nội vụ.

3. Đối với xử lý kỷ luật Phó trưởng Công an cấp xã, ngoài thành phần nêu tại Khoản 1 Điều này có thêm Trưởng công an cấp xã, đại diện lãnh đạo Công an cấp huyện, đại diện lãnh đạo Phòng Nội vụ.

4. Không được cử người có quan hệ gia đình là cha, mẹ, con được pháp luật thừa nhận; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; chị, em dâu; anh, em rể hoặc người có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của người hoạt động không chuyên trách bị xem xét xử lý kỷ luật tham gia vào Hội đồng kỷ luật.

Điều 17. Tổ chức họp Hội đồng kỷ luật

1. Chuẩn bị họp:

a) Chậm nhất là 07 ngày làm việc trước cuộc họp của Hội đồng kỷ luật, giấy triệu tập họp phải được gửi tới người có hành vi vi phạm pháp luật. Người có hành vi vi phạm pháp luật vắng mặt phải có lý do chính đáng. Trường hợp người có hành vi vi phạm pháp luật vắng mặt sau 02 lần gửi giấy triệu tập thì đến lần thứ 3 sau khi đã gửi giấy triệu tập, nếu người đó vẫn vắng mặt thì Hội đồng kỷ luật vẫn họp xem xét và kiến nghị hình thức kỷ luật;

b) Hội đồng kỷ luật có thể mời thêm các thành phần khác dự họp. Người được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến và đề xuất hình thức kỷ luật nhưng không được bỏ phiếu về hình thức kỷ luật;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc xử lý kỷ luật, ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng kỷ luật;

d) Hồ sơ xử lý kỷ luật trình Hội đồng kỷ luật gồm có bản tự kiểm điểm, trích ngang sơ yếu lý lịch của người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật, biên bản cuộc họp kiểm điểm và các tài liệu khác có liên quan.

2. Trình tự họp:

a) Chủ tịch Hội đồng kỷ luật tuyên bố lý do, giới thiệu các thành viên tham dự;

b) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc trích ngang sơ yếu lý lịch của người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật và các tài liệu khác có liên quan;

c) Người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật đọc bản tự kiểm điểm, nếu người có hành vi vi phạm pháp luật vắng mặt thì Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc thay, nếu người có hành vi vi phạm pháp luật không làm bản tự kiểm điểm thì Hội đồng kỷ luật tiến hành các trình tự còn lại của cuộc họp quy định tại Khoản này;

d) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc biên bản cuộc họp kiểm điểm;

đ) Các thành viên Hội đồng kỷ luật và người tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến;

e) Người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật phát biểu ý kiến; nếu người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật không phát biểu ý kiến hoặc vắng mặt thì Hội đồng kỷ luật tiến hành các trình tự còn lại của cuộc họp quy định tại Khoản này;

g) Hội đồng kỷ luật bỏ phiếu kín kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật;

h) Chủ tịch Hội đồng kỷ luật công bố kết quả bỏ phiếu kín và thông qua biên bản cuộc họp;

i) Chủ tịch Hội đồng kỷ luật và Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật ký vào biên bản cuộc họp.

3. Trường hợp nhiều người hoạt động không chuyên trách trong cùng một cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm pháp luật thì Hội đồng kỷ luật họp để tiến hành xem xét xử lý kỷ luật đối với từng người.

Điều 18. Quyết định xử lý kỷ luật

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm pháp luật (kèm theo biên bản họp Hội đồng kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật) gửi người có thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng kỷ luật, người có thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật ra quyết định xử lý kỷ luật hoặc kết luận không xử lý kỷ luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Quyết định kỷ luật phải ghi rõ thời điểm có hiệu lực thi hành; sau 12 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực, nếu không tiếp tục có hành vi vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản (trừ trường hợp buộc thôi việc).

4. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ người hoạt động không chuyên trách và hình thức kỷ luật phải ghi vào lý lịch.

Điều 19. Khiếu nại

Những người hoạt động không chuyên trách bị xử lý kỷ luật có quyền khiếu nại quyết định xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Điều 20. Các quy định khác

1. Đối với người hoạt động không chuyên trách vi phạm pháp luật bị áp dụng hình thức buộc thôi việc thì không được hưởng chế độ thôi việc nhưng được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận thời gian làm việc đã đóng bảo hiểm xã hội để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Những người hoạt động không chuyên trách phạm tội bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ do bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm và đương nhiên bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc.

3. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách đang nghỉ công tác chờ làm thủ tục hưu trí mà bị phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian thi hành công vụ thì cơ quan, tổ chức, đơn vị dừng việc giải quyết thủ tục hưu trí cho đến thời điểm có quyết định kỷ luật hoặc có kết luận người hoạt động không chuyên trách không vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền xử lý kỷ luật.

4. Trường hợp Hội đồng kỷ luật đã có văn bản kiến nghị về việc xử lý kỷ luật nhưng chưa ra Quyết định kỷ luật mà phát hiện thêm các tình tiết liên quan đến vi phạm kỷ luật thì Hội đồng kỷ luật xem xét kiến nghị lại hình thức kỷ luật.

5. Người hoạt động không chuyên trách vi phạm pháp luật đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không được ứng cử, đề cử, quy hoạch, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết nghỉ hưu hoặc thôi việc.

6. Đối với các nội dung khác ngoài quy định này được áp dụng thực hiện theo quy định của Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định xử lý kỷ luật đối với công chức và Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Chương III
XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH THUỘC CÁC CHỨC DANH BẦU CỬ

Điều 21. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc các chức danh bầu cử bao gồm:

1. Trưởng ấp (khu phố);
2. Phó Trưởng ấp (khu phố);
3. Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân.

Điều 22. Hình thức xử lý kỷ luật

1. Hình thức xử lý kỷ luật đối với các chức danh bầu cử:
 - a) Khiển trách;
 - b) Cảnh cáo;
 - c) Cách chức;
 - e) Buộc thôi việc hoặc Bãi nhiệm.
2. Hình thức Bãi nhiệm chỉ áp dụng đối với chức danh Phó Trưởng ban HĐND cấp xã.

Điều 23. Áp dụng các hình thức kỷ luật

1. Việc áp dụng các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc áp dụng tương tự như với trường hợp những người hoạt động không chuyên trách được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo quy định tại Chương II của Quy định này.
2. Những người hoạt động không chuyên trách thuộc các chức danh bầu cử quy định tại Điều 21 của Quy định này nếu bị kỷ luật ở hình thức cách chức thì sắp xếp, bố trí công tác khác, trường hợp không sắp xếp, bố trí được chức danh không chuyên trách khác thì đồng thời giải quyết chế độ thôi việc.
3. Việc bãi nhiệm Phó Trưởng ban HĐND cấp xã thực hiện theo các quy định của pháp luật về tổ chức HĐND cấp xã theo quy định.

Điều 24. Thẩm quyền xử lý kỷ luật

1. Chủ tịch HĐND cấp xã tổ chức tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với Phó Trưởng ban HĐND cấp xã (trừ trường hợp bãi nhiệm do HĐND cùng cấp thực hiện).
2. Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với các chức danh Trưởng, Phó trưởng ấp (khu phố).

Điều 25. Hội đồng kỷ luật

1. Chủ tịch HĐND cấp xã quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để tư vấn về việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với chức danh Phó trưởng ban HĐND cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý.

2. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để tư vấn về việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với chức danh thuộc thẩm quyền xử lý.

3. Các trường hợp không thành lập Hội đồng và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng kỷ luật thực hiện theo Khoản 2 và 3 Điều 15 của Quy định này.

Điều 26. Thành phần Hội đồng kỷ luật

1. Hội đồng kỷ luật đối với chức danh Phó trưởng ban HĐND cấp xã gồm 3 thành viên:

a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo HĐND cấp xã;

b) Ủy viên là đại diện Ban chấp hành công đoàn cấp xã;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức phụ trách công tác tổ chức, văn phòng tại HĐND-UBND cấp xã.

2. Đối với xử lý kỷ luật các chức danh bầu cử thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện như Điều 16 của Quy định này.

3. Đối với kỷ luật Trưởng, Phó Trưởng ấp (khu phố) có thêm Bí thư Chi bộ hoặc Trưởng ban Công tác Mặt trận ấp (khu phố).

Điều 27. Về trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật và các quy định khác áp dụng tương tự như các đối tượng quy định tại Chương II của Quy định này.

Điều 28. Việc xử lý kỷ luật những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội được thực hiện theo các quy định của pháp luật, điều lệ và văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và có thể áp dụng, vận dụng quy định này để thực hiện.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; ghi nhận, tổng hợp ý kiến vướng mắc, khó khăn (nếu có) trong quá trình thực hiện, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, các cơ quan đơn vị ngành dọc trên địa bàn tỉnh có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình phối hợp, thực hiện.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa chỉ đạo tổ chức triển khai, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện nghiêm túc theo Quy định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái